

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2017

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đồi

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Tổ 14 ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Châu T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện N, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Cẩm H trình bày: bà và ông Nguyễn Châu T có thời gian tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Bà và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Long An vào năm 2004 theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sống chung với nhau hạnh phúc, khoảng năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà và ông T không cùng quan điểm sống, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cuộc sống gia đình, giáo dục con chung. Khi nhậu về, ông T thường xuyên kiểm chuyện cái vĩa, xúc phạm bà và gia đình bà. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn, nhưng ông T vẫn không thay đổi.

Đầu năm 2016, bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để sinh sống. Bà cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng giữa bà và ông T không thể kéo dài được nữa, nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Châu T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có một con chung tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 06/4/2014, giới tính: Nữ. Hiện tại, con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà và ông T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ ai, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Lê Thị Huyền T đã nộp cho Tòa án các chứng cứ như sau: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 08/3/2017; Bản sao giấy khai sinh: Nguyễn Thị Huyền T; Sổ hộ khẩu và CMND của bà Lê Thị Cẩm H.

Bị đơn ông Nguyễn Châu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện các yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Cẩm H đối với ông T, nhưng ông T vẫn không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bà Lê Thị Cẩm H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được theo quy định tại khoản 4 Điều 2017 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay: bị đơn ông Nguyễn Châu T vắng mặt. Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Bà Lê Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Châu T. Ông T đang cư trú tại xã G, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn – ông Nguyễn Châu T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Châu T vẫn vắng

mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất vào ngày 28/7/2017 và đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông T, nhưng ông T vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2017 cho ông T, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Châu T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Cẩm H.

[2]. Về nội dung của vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Lê Thị Cẩm H và ông Nguyễn Châu T tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 93/2014, quyền số 01/2014 đăng ký ngày 09/7/2016 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên Tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình giải quyết vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Nguyễn Châu T vẫn cố tình vắng mặt chứng tỏ ông T không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và xin xét xử vắng mặt, chứng tỏ bà H cũng không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa họ là có thật, đã thật sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại, bà H đang sống bên cha mẹ ruột của mình tại xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh từ đầu năm 2016 cho đến nay. Xét thấy, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà Lê Thị Cẩm H được ly hôn với ông Nguyễn Châu T là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con chung của bà Lê Thị Cẩm H: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Do tại thời điểm xét xử, cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 06/4/2014 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của cháu T muốn sống với ai; Mặc khác, ông T cố tình vắng mặt, nên không thể thỏa thuận người trực tiếp nuôi con. Nhưng hiện tại, con chung đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và cháu T lại là con gái. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần giao cháu Nguyễn Thị H T cho bà Lê Thị Cẩm H trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cho đến khi cháu T thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông T cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày và bà H không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Lê Thị Cẩm H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nộp Ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm H.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm H được ly hôn với ông Nguyễn Châu T.

2. Về nuôi con chung: Giao bà Lê Thị Cẩm H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 06/4/2014, giới tính: Nữ. Ông Nguyễn Châu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Cẩm H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai thu tạm ứng án phí số 0000054 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm H và bị đơn ông Nguyễn Châu T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã G, huyện N, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương